

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HS-ST

Ngày 20 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Dương Minh Cương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2022/TLHS-HS ngày 29 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Đình T, sinh năm 1976 tại Hà Nam; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình H (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; vợ: Đỗ Thị Đ, sinh năm 1980, con: có 03 con lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án: Ngày 17/4/2019 Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý xử phạt 24 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/11/2020; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/7/2015 Công an xã T, thành phố P xử phạt vi phạm hành chính: “Cảnh cáo” về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 07 tháng 01 năm 2022 chuyển tạm giam đến nay; Có mặt.

* Người làm chứng: Ông Doãn Văn S sinh năm 1976; Ông Nguyễn Phi P, sinh năm 1968; Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 01/01/2022, Trần Đình T đến nhà anh Doãn Văn S thì gặp một thanh niên khoảng 33 tuổi (không rõ nhân thân, lai lịch) ở sân nhà anh S. Người thanh niên nói chuyện với T và rủ T góp tiền mua ma túy cùng sử dụng. T đồng ý và đưa 50.000đ cho người này. Người thanh niên điều khiển xe mô tô chở T đến khu vực thôn T, xã T, huyện T thì bảo T đứng đợi rồi một mình đi mua ma túy.

Khoảng 15 phút sau, người này quay lại đón T đi tìm chỗ sử dụng ma túy. Trên đường đi người thanh niên đưa cho T 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu xanh. Biết bên trong có ma túy nên T cất luôn vào túi áo khoác bên trái phía trước đang mặc. Khi đến đoạn đường thuộc thôn V, xã L, thành phố P thì bị lực lượng Công an xã L yêu cầu dừng xe kiểm tra. Khi T vừa xuống xe thì người thanh niên tăng ga bỏ chạy thoát còn T bắt quả tang.

Thu giữ vật chứng, tài sản gồm: 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu xanh bên trong có chứa 01 túi nilon màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu QT01; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Đình T.

Khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Trần Đình T tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam không thu giữ đồ vật tài sản gì liên quan đến vụ án.

Tại bản kết luận giám định số 01/PC09-MT ngày 06/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận:

“Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu QT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,810g, loại Methamphetamine”.

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKS-PL ngày 28/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố Trần Đình T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Trần Đình T theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến thay đổi, bổ sung gì. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của BLHS xử phạt Trần Đình T mức án từ 36 đến 42 tháng tù được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cơ bản như bản cáo trạng đã mô tả, không tranh luận, bào chữa và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất để bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt và công bố lời khai theo quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Trần Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người làm chứng, bản kết luận giám định của cơ quan chuyên môn cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Như vậy HĐXX có đủ chứng cứ buộc tội kết luận:

Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 01/01/2022, tại thôn V, xã L, thành phố P, Trần Đình T cất giữ trái phép 0,810 gam chất ma túy, loại Methamphetamin trong người mục đích để sử dụng thì bị lực lượng công an xã L phát hiện bắt quả tang. Hành vi nêu trên của Trần Đình T đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bản thân là người có nhân thân xấu đã bị Công an xã T, thành phố P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy năm 2015, đã từng phạm tội về ma túy, bị áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc nhưng chưa được xóa án tích lại phạm tội về ma túy, thể hiện bị cáo coi thường pháp luật, khó cải tạo bản thân.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là: “Tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Phủ Lý. Là nguyên nhân trực tiếp phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm nguy hiểm khác gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Cân nhắc nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo cần tuyên mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

- Hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy, mục đích tàng trữ ma túy để sử dụng không có mục đích trục lợi nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ

sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng:

Đối với toàn bộ số ma túy đã thu giữ của bị cáo hoàn trả sau giám định là vật cấm lưu hành và 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu xanh không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Đình T không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho T. Tuy nhiên cần giao Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền tạm giữ và trả lại khi bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, theo quy định của Luật Căn cước công dân.

[7] Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với người thanh niên khoảng 35 tuổi Trần Đình T khai gặp tại nhà của Doãn Văn S đã mua và đưa ma túy cho T cất giữ để sử dụng, cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý đã triệu tập và làm việc với Doãn Văn S đồng thời phối hợp với Công an xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam và Công an phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam tiến hành xác minh nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch của người đã đi mua ma túy đưa cho T để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Doãn Văn S, sinh năm 1976, trú tại: Thôn L, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam là người quen với Trần Đình T. Quá trình điều tra xác định anh S không biết T và người thanh niên bàn bạc, rủ nhau góp tiền để mua ma túy sử dụng. Vì vậy anh S không vi phạm pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106; 136; 331; 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Đình T 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2/ Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: “Mẫu vật hoàn trả QT01 số 01/PC09-MT”; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu xanh.

Giao cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Hà Nam tạm giữ 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Đình T và trả cho bị cáo khi chấp hành xong hình phạt tù.

Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 13/4/2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý..

3/ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Đình T phải nộp: 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- CQ CSĐT CA TP Phủ Lý;
- Cơ quan THAHS có thẩm quyền;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Cơ quan THAHS có thẩm quyền;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đa ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh